

Số: 2344/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 13 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các điểm đầu nối  
vào mạng lưới đường quốc lộ (QL.60, QL.57, QL.57B, QL.57C và tuyến tránh  
QL.60) đoạn qua địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định*

số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Công văn số 6085/BGTVT-KCHT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc rà soát, thỏa thuận điều chỉnh, điểm đầu nối vào quốc lộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2421/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 9 năm 2023.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các điểm đầu nối vào mạng lưới đường quốc lộ (QL.60, QL.57, QL.57B, QL.57C và tuyến tránh QL.60) đoạn qua địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Quy hoạch các vị trí nút giao đầu nối vào quốc lộ

a) Quốc lộ 60

Tổng số điểm đầu nối đường nhánh vào quốc lộ là 36 điểm. Trong đó, có 24 điểm đầu nối trong đô thị và 12 điểm đầu nối ngoài đô thị.

(Kèm theo Phụ lục I).

b) Quốc lộ 57

Tổng số điểm đầu nối đường nhánh vào quốc lộ là 73 điểm. Trong đó, có 19 điểm đầu nối trong đô thị và 54 điểm đầu nối ngoài đô thị.

(Kèm theo Phụ lục II).

c) Quốc lộ 57B

Tổng số điểm đầu nối đường nhánh vào quốc lộ là 54 điểm. Trong đó, có 09 điểm đầu nối trong đô thị và 42 điểm đầu nối ngoài đô thị.

(Kèm theo Phụ lục III).

d) Quốc lộ 57C

Tổng số điểm đầu nối đường nhánh vào quốc lộ là 57 điểm. Trong đó, có 26 điểm đầu nối trong đô thị và 31 điểm đầu nối ngoài đô thị.

(Kèm theo Phụ lục IV).

đ) Tuyên tránh QL.60

Tổng số điểm đầu nối trực tiếp là 06 điểm đầu nối ngoài đô thị.

(Kèm theo Phụ lục V).

2. Quy hoạch đường gom

a) Nguyên tắc bố trí đường gom

- Về nguyên tắc chung đường gom được quy hoạch xây dựng chạy dọc hai bên đường quốc lộ. Khi đủ điều kiện qua các khu vực có quỹ đất thì đường gom hoàn chỉnh phải được bố trí nằm tiếp giáp phía ngoài hành lang an toàn giao thông của tuyến quốc lộ; trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không còn quỹ đất thì Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Giao thông vận tải cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Mục đích việc bố trí đường gom bắt buộc để gom dòng giao thông từ các tuyến đường nhánh đầu nối vào quốc lộ tại các vị trí đã được quy hoạch đầu nối nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông. Vị trí đường gom được bố trí phù hợp trên cơ sở quy hoạch, mặt bằng thực tế, quỹ đất, mục đích sử dụng tại từng khu vực.

- Các dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không được sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đầu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào quốc lộ thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đầu nối được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Quy mô đường gom

- Tùy theo lưu lượng, đường gom được thiết kế tối thiểu một làn xe cơ giới, tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, bảo đảm khả năng thông hành và an toàn giao thông. Đường gom kết hợp phục vụ công nghiệp và dân cư phải bố trí hè phố như đường đô thị.

- Quy mô đường gom tại những đoạn quốc lộ đi qua khu đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Các vị trí đầu nối đường nhánh vào quốc lộ chưa đảm bảo nguyên tắc

Đối với các vị trí đầu nối đường nhánh chưa đảm bảo nguyên tắc, yêu cầu đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đang xin thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 7812/UBND-KT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi Bộ Giao thông vận tải có ý kiến, Sở Giao thông vận tải tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố có các tuyến quốc lộ đi qua thực hiện công bố rộng rãi quy hoạch; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất quy hoạch đầu nối công trình vào đường quốc lộ và công trình sử dụng hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp giấy phép thi công đối với các tuyến quốc lộ được ủy quyền quản lý; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện quản lý thống nhất quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ.

c) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông và đơn vị quản lý đường bộ phối hợp kiểm tra, phát hiện và xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời các vi phạm về đầu nối công trình vào quốc lộ.

2. Giao các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và môi trường, Công Thương; Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải để thực hiện theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư các công trình, dự án liên quan đến việc đầu nối vào quốc lộ triển khai thực hiện theo đúng quy định.

4. Trong quá trình thực hiện, khi có phát sinh các điểm đầu nối đảm bảo theo quy định, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan, báo cáo Sở Giao thông vận tải tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, điều chỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt quy hoạch đường gom và đầu nối các đường giao thông công cộng vào các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Khu Quản lý đường bộ IV;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng: KT, TH, TCĐT;
- Lưu: VT, NXV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Tam**



**Phục lục V**  
**BỔ SUNG CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO TUYẾN TRÁNH QL.60, TỈNH BẾN TRE**  
(Kèm theo Quyết định số 2344 /QĐ-UBND ngày 13 /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Chi chú
			Trái	phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
0	Ngã 3	Km 25+720					Điểm đầu – QL.60	Quốc lộ			
1	Ngã 4	Km 29+950	x	x	4230	4230	Đường khu dân cư	Đường xã		x	
2	Ngã 4	Km 31+370	x	x	1420	1420	Quốc lộ 57	Quốc lộ		x	
3	Ngã 4	Km 32+640	x	x	1270	1270	Quốc lộ 60 cũ	Quốc lộ		x	
4	Ngã 4	Km 36+040	x	x	3400	3400	Quy hoạch đường huyện ĐH.ĐK.43	Đường huyện		x	
5	Ngã 4	Km 38+060	x	x	2020	2020	ĐH.22	Đường huyện		x	
6	Ngã 4	Km 40+070	x	x	2010	2010	Đường khu dân cư	Đường xã		x	
		Km 41+710					Điểm cuối tuyến	Đường xã			





**Phục lục IV**  
**BỔ SUNG CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ 57C, TỈNH BẾN TRE**  
(Kèm theo Quyết định số **2344** /QĐ-UBND ngày **13** /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
<b>Quốc Lộ 57C đoạn qua huyện Châu Thành (Km00+000-Km13+880) quy hoạch đạt cấp IV 2 - 4 làn xe</b>											
0		Km00+000					Giao với Quốc Lộ 57B (Đầu tuyến)	Đường Quốc Lộ			
1	Ngã 4	Km 2+150	x	x	2,150	2,150	Đường ĐA.11, xã Quới Thành (P); ĐH.01 (đường huyện 173 cũ)	Đường huyện		x	
2	Ngã 3	Km 4+370		x		2,220	Đường trung tâm xã Tiên Thủy	Đường xã		x	
3	Ngã 3	Km 4+935	x		2,785		ĐX.06 xã Tiên Thủy	Đường xã		x	
4	Ngã 3	Km 6+150		x		1,780	ĐA.02 xã Tiên Thủy	Đường xã		x	
5	Ngã 3	Km 8+880		x		2,730	Đường vào khu Công nghiệp An Hiệp, xã An Hiệp	Đường chuyên dùng		x	
6	Ngã 3	Km 8+990	x		4,055		ĐX.01 Đường vào Thánh Giá, xã An Hiệp	Đường xã		x	
7	Ngã 3	Km 11+490	x		2,500		Đường ĐX.03 xã Tường Đa	Đường xã		x	
8	Ngã 3	Km 14+450		x		5,570	Đường huyện 14, đường vào trung tâm xã Sơn Hòa	Đường xã		x	

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
<b>Quốc Lộ 57C đoạn qua Thành phố Bến Tre (Km13+880-Km24+360) quy hoạch đạt cấp IV 2 - 4 làn xe</b>											
9	Ngã 3	Km 14+700	x		3,210		DNTN - Xăng dầu Thành Tâm	Đường chuyên dùng	x		Thành phố Bến Tre, lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
10	Ngã 3	Km 14+790		x		3,300	DNTN - Xăng dầu Sơn Đông	Đường chuyên dùng	x		
11	Ngã 3	Km 15+920	x		1,220		Đường vào tỉnh đội Bến Tre	Đường xã	x		
12	Ngã 3	Km 16+430		x		1,640	Lộ Cơ Khí	Đường đô thị	x		
13	Ngã 3	Km 16+750		x		320	Đường vào Cao Đẳng Bến Tre	Đường chuyên dùng	x		
14	Ngã 3	Km 17+380		x		630	Công ty TNHH MTV TMDV xăng dầu Phước Lộc Thọ	Đường chuyên dùng	x		
15	Ngã 4	Km 17+520	x	x	1,600	770	Giao với Quốc Lộ 60	Quốc Lộ	x		
16	Ngã 4	Km 18+820	x	x	1,300	1,300	Giao với Quốc Lộ 60	Quốc Lộ	x		
17	Ngã 4	Km 19+280	x	x	460	460	Đường vào KDC Bình Phú	Đường xã	x		
18	Ngã 3	Km 20+450		x		1,170	Đường Võ Văn Khánh	Đường đô thị	x		
19	Ngã 3	Km 20+600	x		1,320		Đường vào công an tỉnh Bến Tre	Đường đô thị	x		
20	Ngã 4	Km 20+820	x	x	220	370	Đường Nguyễn Văn Tư	Đường đô thị	x		



TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
21	Ngã 3	Km 21+060	x		240		Công ty TNHH MTV Bình Minh	Đường chuyên dùng	x		
22	Ngã 3	Km 21+920	x		860		Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Phụng	Đường chuyên dùng	x		
23	Ngã 4	Km 22+340	x	x	420	1,520	Giao với ĐT.887; Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Huỳnh	Đường tỉnh	x		
24	Ngã 3	Km 22+820		x		480	Công ty Cổ phần Vật tư xăng dầu Comeco (chi nhánh số 36)	Đường chuyên dùng	x		
25	Ngã 3	Km 23+500		x		680	DNTN - Xăng dầu Hữu Tín	Đường chuyên dùng	x		
<b>Quốc Lộ 57C đoạn qua huyện Giồng Trôm (Km24+360-km45+100) quy hoạch đạt cấp IV 2 - 4 làn xe</b>											
26	Ngã 3	Km 24+980	x		2,640		Đường liên xã Phú Nhuận; đường vào trại giam tỉnh Bến Tre; DNTN - Xăng dầu Hữu Tín	Đường đô thị		x	
27	Ngã 4	Km 26+870	x	x	1,890	3,370	Đường trung tâm xã Sơn Phú vào UBND xã Sơn Phú (P);	Đường xã		x	Thỏa thuận. Đường vào trung tâm hành chính xã
28	Ngã 3	Km 28+490	x		1,620		ĐC.08 đường vào trung tâm xã Thuận Điền	Đường xã		x	
29	Ngã 3	Km 28+875		x		2,005	ĐC.01 vào KDC xã Sơn Phú	Đường xã		x	
30	Ngã 3	Km 30+430		x		1,555	Đường liên xã vào UBND xã Phước Long	Đường xã		x	

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
31	Ngã 3	Km 31+850	x		3,360		Tổ 7 (Áp 2), đường Cầu Cái Sơn, đường liên xã vào trung tâm xã Lương Phú	Đường xã		x	
32	Ngã 3	Km 33+560		x		3,130	Cây xăng Bình Phương	Đường ngõ xóm		x	
33	Ngã 3	Km 33+700	x		1,850		Đường ĐX.04	Đường xã		x	
34	Ngã 3	Km 35+380	x		1,680		Đường ĐX.01 đường vào KC, vào UBND xã	Đường xã		x	
35	Ngã 4	Km 36+940	x	x	1,560	3,380	Đường liên xã đi UBND xã Thạnh Phú Đông; DNTN Xăng dầu Mai Hương (T); Quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.05	Đường huyện		x	
36	Ngã 3	Km 41+360	x		4,420		Đường liên xã, vào trung tâm xã Tân Thanh	Đường xã		x	
37	Ngã 3	Km 42+650		x		5,710	Đường vào trung tâm xã Hưng Nhượng (DT.04 DK)	Đường xã		x	
38	Ngã 3	Km 42+940	x		1,580		ĐH.10	Đường huyện		x	
39	Ngã 4	Km 42+650	x	x	290		ĐT.885	Đường tỉnh		x	
40	Ngã 3	Km 45+000	x		2,350		Tuyến tránh	Đường huyện		x	
<b>Quốc Lộ 57C đoạn qua huyện Ba Tri (Km45+100-Km65+987) quy hoạch đạt cấp IV 2 - 4 làn xe</b>											
41	Ngã 4	Km 46+940	x	x	1,940	4,290	Đường ĐX 02 (T) ĐC.31 (P)	Đường xã		x	
42	Ngã 4	Km 48+550	x	x	3,550	5,900	Đường huyện	Đường huyện		x	

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
43	Ngã 3	Km 50+860		x		8,210	Đường vào KDC An Hiệp, Ba Tri	Đường xã		x	
44	Ngã 3	Km 52+660		x		1,800	DNTN thương mại xăng dầu Long Thành	Đường chuyên dùng		x	
45	Ngã 4	Km 53+790	x	x	8,790	1,130	ĐH.ĐK 04	Đường huyện	x		Đoạn trong đô thị trị trấn Ba Tri, lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
46	Ngã 3	Km 54+350		x		560	Cty TNHH Xăng dầu Chánh Nghiệp	Đường chuyên dùng	x		
47	Ngã 3	Km 54+860	x		1,070	510	Đường Đông Tây (KĐT VS-AB)	Đường đô thị	x		
48	Ngã 4	Km 54+900	x	x	40	40	Đường số 14 (KĐT VS-AB) (P); Đ. Vào TT giải trí huyện (P)	Đường đô thị	x		
49	Ngã 3	Km 55+020	x			120	DNTN Xăng dầu Tuyệt Nhung, đường Nguyễn Đình Chiểu, huyện lộ 11	Đường đô thị	x		
50	Ngã 4	Km 55+515	x	x	495	615	HL14	Đường Huyện	x		
51	Ngã 3	Km 56+650		x		1,135	Đường Nguyễn Du; Cty TNHH Xăng dầu Thiên Trọ	Đường đô thị	x		
52	Ngã 3	Km 56+890	x		1,375		Đường Trần Văn An	Đường đô thị	x		
53	Ngã 3	Km 57+200		x		550	Cửa hàng xăng dầu Nam Phương Phát	Đường chuyên dùng	x		
54	Ngã 3	Km 59+020	x				Đường vào xã Vĩnh Hòa	Đường xã		x	

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
					2,130						
55	Ngã 3	Km 60+210		x		3,010	Đường liên xã vào trung tâm xã An Hòa Tây; Quy hoạch đường huyện ĐH.ĐK01; Cty Xăng dầu Bến Tre ( cửa hàng số 64)	Đường huyện		x	
56	Ngã 4	Km63+500	x	x	4,480	6,300	HL.16 (T,P) Đê biển 1 (T); Cty TNHH Xăng dầu An Vinh Phát; Quy hoạch đường tỉnh ĐT.883	Đường huyện		x	
57	Ngã 4	Km65+390	x	x	1,890	1,890	ĐA.01 (T) ĐA.04 (P)	Đường Xã		x	
		Km65+987					Điểm cuối				



### Phục lục III

## BỔ SUNG CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ 57B, TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
<b>Quốc Lộ 57B đoạn qua huyện Chợ Lách (Km00+000-Km02+299) quy hoạch đạt cấp IV 2 - 4 làn xe</b>											
0		0					Giao QL 57 (Đầu tuyến)				
<b>Quốc Lộ 57B đoạn qua huyện Châu Thành (Km02+299-Km37+677) quy hoạch đạt cấp IV 2 - 4 làn xe</b>											
1	Ngã 4	Km 2+100	x	x	2,100	2,100	Đường xã Hoà Nghĩa; ĐH.ĐK.23	Đường huyện		x	Địa hình qua sông Hàm Luông, khó làm đường gom
2	Ngã 4	Km 3+600		x		3,600	DNTN - XD Lộc Nguyên	Đường chuyên dùng		x	
3	Ngã 3	Km 3+790	x		3,790		Đường vào khu dân cư Tân Phú (T); Đường 884 cũ	Đường xã		x	
4	Ngã 3	Km 5+900		x		2,300	ĐH.ĐK.19	Đường huyện		x	Đường quy hoạch
5	Ngã 3	Km 10+010		x		4,110	Quốc lộ 57C	Đường Quốc lộ		x	
6	Ngã 3	Km 10+970	x		7,180		Đường ĐX 05, xã Phú Đức	Đường xã		x	
7	Ngã 4	Km 13+340	x	x	2,370	3,330	Đường liên xã Phú Đức -Quới Thành	Đường xã		x	
8	Ngã 3	Km 16+205		x		2,865	Quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.09; đường huyện ĐH.DK.17	Đường huyện		x	Đường tỉnh quy hoạch được duyệt
9	Ngã 3	Km 17+700	x		4,360		ĐA 05, xã Phú Túc; đường đi phà Rạch Liều	Đường xã		x	
10	Ngã 3	Km 20+000	x		2,300		Cây Xăng Hồng Đức(Chi nhánh cty XD Ngọc Thành ấp Phú Mỹ), xã Phú Túc	Đường chuyên dùng		x	
11	Ngã 4	Km 23+100	x	x	3,100	5,400	ĐX 03, xã An Khánh; Cty CP dầu nhớt Vinaco chi nhánh C. Thành	Đường xã		x	
12	Ngã 3	Km 26+600	x	x			Quốc lộ 60	Quốc lộ	x		Trong đô thị thị trấn

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
					3,500	3,500					Châu Thành, lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
13	Ngã 3	Km 27+000		x		400	Cty TNHH MTV xăng dầu Xuân Hồng	Đường chuyên dùng	x		
14	Ngã 4	Km 27+900	x	x	1,300	900	Quốc lộ 60 cũ	Quốc lộ	x		
15	Ngã 3	Km 28+080		x		180	Cty TNHH MTV xăng dầu Châu Khoa	Đường chuyên dùng	x		
16	Ngã 3	Km 28+170	x		270		DNTN - XD Số 23	Đường chuyên dùng	x		
17	Ngã 3	Km 29+600		x		1,520	Cây Xăng Lộ Diệp, xã Phú An Hòa	Đường chuyên dùng		x	
18	Ngã 3	Km 30+600	x		2,430		Y8, xã Quới Sơn	Đường xã		x	
19	Ngã 4	Km 32+200	x	x	1,600	2,600	ĐH.DK14; KCN Giao Long	Đường huyện		x	
20	Ngã 3	Km34+300		x		2,100	Cụm công nghiệp Long Phước	Chuyên dùng		x	
21	Ngã 4	Km 34+550	x	x	2,350	250	Vòng xoay Giao Long, ĐT.ĐK.03	Đường xã		x	
22	Ngã 4	Km37+350	x	x	2,800	2,800	ĐH.DK.13 (đoạn từ QL.57B đến giáp ĐH.03) (T); ĐH.DK.13(đoạn từ QL.57B đến giáp ĐH.04) (P)	Đường huyện		x	
<b>Quốc Lộ 57B đoạn qua huyện Bình Đại (Km37+677+Km86+228) quy hoạch đạt cấp IV 2 - 4 làn xe</b>											
23	Ngã 3	Km 39+470	x		2,120		Đường DX 02 (đường vào trung tâm xã, UBND xã Long Định)	Đường xã		x	Địa hình qua sông Hàm Luông, khó làm đường gom
24	Ngã 3	Km 41+150	x		1,680		Đường vào trung tâm ấp Long Hưng (ĐA 03)			x	
25	Ngã 3	Km 42+123	x		973		Đường vào KCN Phú Thuận	Đường chuyên dùng		x	
26	Ngã 3	Km 42+860	x	x	1,710	5,510	Đường huyện 187 (T); Đường vào KDC Châu Hưng; Quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.08	Đường huyện		x	

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
27	Ngã 3	Km 46+350		x		3,490	CHXD Minh Thuận Phát	Đường chuyên dùng		x	
28	Ngã 3	Km 47+050	x		4,190		Đường Kênh Năm Đà (ĐX05)	Đường ngõ xóm		x	
29	Ngã 4	Km 48+740	x	x	1,690	2,390	ĐH.19; quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.05	Đường tỉnh		x	
30	Ngã 3	Km 51+920		x		3,180	Đường ĐA04 (Đường áp Việc Giữa)	Đường xã		x	
31	Ngã 3	Km 51+990	x		3,250		Đường huyện 187; Đường trung tâm xã Vang Quới Đông.	Đường huyện		x	
32	Ngã 4	Km 54+380	x	x	2,390	5,640	Đường huyện 187, đường trục chính vào xã Phú Vang (T); DNTN - XD Tám Năng (P); ĐH.ĐK.11	Đường huyện		x	
33	Ngã 4	Km 58+280	x	x	3,900	3,900	Đường Ao Vuông (ĐX 05) (T-P); Ao Vuông (ĐX01) (T-P); Đường huyện quy hoạch ĐH.ĐK.08	Đường huyện		x	
34	Ngã 4	Km 61+150		x		2,870	Đường huyện 40; Cây xăng Minh Châu; Quy hoạch đường tránh quốc lộ 57B	Đường tỉnh		x	
35	Ngã 3	Km 63+300	x		5,020		Đường Lộ Giồng (từ giáp QL57B - cuối đường Bình Thới - Bình Trung)	Đường xã		x	
36	Ngã 3	Km 63+500		x		2,350	CHXD An Thịnh	Đường chuyên dùng		x	
37	Ngã 3	Km 64+950	x		1,650		Đường Chủ Tính (từ giáp QL57B - đường ĐH 07)	Đường xã		x	
38	Ngã 4	Km 65+650		x		2,150	Đường đê bao ngăn mặn (từ giáp QL57B đến giáp xã Thạnh Trị); Quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.01	Đường tỉnh		x	

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
39	Ngã 4	Km 66+500	x	x	1,550		Đường ĐH.07( từ giáp QL57B đến giáp xã Định Trung); Quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.07	Đường tỉnh		x	
40	Ngã 3	Km 68+220		x		1,720	Cty Xăng Dầu Bến Tre - Số 22	Đường chuyên dùng	x		Trong đô thị thị trấn Bình Đại, lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
41	Ngã 4	Km 69+010	x	x	2,510	790	Đường Đồng Khởi, Lê Hoàng Chiếu	Đường đô thị	x		
42	Ngã 3	Km 70+500		x		1,490	DNTN - XD Bình Thuận	Đường đô thị	x		
43	Ngã 3	Km 70+950		x		450	Đường Võ Thị Phò; đường huyện quy hoạch ĐH.ĐK.07	Đường đô thị	x		
44	Ngã 3	Km 72+720		x		1,770	Đường huyện quy hoạch ĐH.ĐK.09	Đường xã		x	
45	Ngã 4	Km 73+550	x		4,540		Đường tỉnh 886; Cây xăng Đê Đông - CHXD Bến Tre số 25; (T) Ngã 3 Đê đông (ĐX03) (P)	Đường xã		x	
46	Ngã 3	Km 76+670		x		3,120	DNTN - XD Nguyễn Khôi			x	
47	Ngã 4	Km 78+500	x	x	4,950	1,830	ĐH.40; ĐH.56; Quy hoạch quốc lộ 57B tuyến tránh	Đường huyện		x	
48	Ngã 3	Km 81+870	x		3,370		ĐX02 (đường Cây Trâm)	Đường xã		x	
49	Ngã 3	Km 82+400		x		3,900	đường dự kiến ra khu nuôi tôm CNC (Giáp Vạn Đức)	Đường xã		x	
50	Ngã 4	Km 84+290	x	x	2,420	1,890	Đường Thới An	Đường xã		x	
51	Ngã 3	Km 85+670	x		1,380		Đường lộ trung tâm xã	Đường xã		x	Đường chính khu dân cư ven biển, lưu lượng phương tiện thấp
		Km 86+228					Điểm cuối tuyến				





**Phục lục II**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ 57, TỈNH BẾN TRE**  
(Kèm theo Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	Phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
Quốc lộ 57 đoạn qua huyện Chợ Lách (Km 7+410 - Km 35+450) quy hoạch cấp III 2-4 làn xe											
0		Km 7+410					Đầu tuyến				
1	Ngã 3	Km 8+910		x		1,500	Đường vào khu dân cư xã Phú Phụng	Đường xã		x	
2	Ngã 3	Km 9+500	x		2,090		Đường vào khu dân cư xã Phú Phụng	Đường xã		x	Địa hình qua sông khó làm đường gom (cầu Phú Phụng)
3	Ngã 4	Km 11+200	x	x	1,700	2,290	Đường vào khu dân cư xã Phú Phụng	Đường xã		x	
4	Ngã 4	Km 13+310	x	x	2,110	2,110	Đường vào khu dân cư xã Vĩnh Bình	Đường xã		x	
5	Ngã 4	Km 16+000	x	x	2,690	2,690	Đường vào xã Vĩ Bình(T); Đi thị trấn Chợ Lách (P)	Đường xã		x	Địa hình qua sông khó làm đường gom
6	Ngã 3	Km 17+670		x		1,670	Đường vào khu dân cư xã Sơn Định	Đường xã		x	
7	Ngã 3	Km 17+730	x		1,730		Đường vào khu dân cư xã Sơn Định	Đường xã		x	
8	Ngã 3	Km 19+350		x		1,680	Đường vào khu dân cư thị trấn Chợ Lách	Đường đô thị	x		Trong đô thị thị trấn Chợ Lách, lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN
9	Ngã 4	Km 19+455	x	x	1,725	105	Đường vào khu dân cư thị trấn Chợ Lách; CHXD Thành Sự 5	Đường đô thị	x		

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	Phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
10	Ngã 3	Km 19+720	x		265		Đường vào khu dân cư thị trấn Chợ Lách	Đường đô thị	x		01:2021/BXD ngày 19/5/2021
11	Ngã 4	Km 19+900	x	x	180	445	Đường vào khu dân cư thị trấn Chợ Lách	Đường đô thị	x		
12	Ngã 4	Km 20+290	x	x	390	390	Giao đường 57B (T); Đường khu dân cư thị trấn (P), DNTN - XD Hải Yến (P)	Đường xã		x	
13	Ngã 4	Km 22+200	x	x	1,910	1,910	Đường vào khu dân cư xã Hòa Nghĩa; Đường vào nghĩa trang liệt sĩ huyện Chợ Lách	Đường xã		x	
14	Ngã 4	Km 24+050	x	x	1,850	1,850	Đường huyện 38	Đường xã		x	
15	Ngã 3	Km 25+770	x		1,720		ĐH.ĐK23	Đường xã		x	
16	Ngã 3	Km 26+300		x		2,250	Cty Xăng Dầu Bến Tre (CHXD Số 52)	Đường xã		x	
17	Ngã 3	Km 28+280	x		2,510		Đường vào khu dân cư xã Long Thới	Đường xã		x	
18	Ngã 3	Km 29+750		x		3,450	Đường huyện 36	Đường xã		x	
19	Ngã 3	Km 31+000	x		2,720		Đường huyện 35	Đường xã		x	
20	Ngã 3	Km 31+650		x		1,900	DNTN - XD Tấn Lợi; Đường vào xã Vĩnh Thành (kết cấu có công đập, khó làm đường gom)			x	
21	Ngã 4	Km 34+280	x	x	3,280	2,630	Đường huyện 35	Đường xã		x	Địa hình qua sông khó làm đường gom (cầu Hòa Khánh)

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	Phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
22	Ngã 3	Km 35+910	x		1,630		Đường vào khu dân cư xã Hưng Khánh Trung A	Đường xã		x	
<b>Quốc lộ 57 đoạn qua huyện Mô Cày Bắc (km35+450-km44+900) quy hoạch cấp III 2-4 làn xe</b>											
23	Ngã 3	Km 38+210	x		2,300		ĐT.882	Đường tỉnh		x	
24	Ngã 4	Km 38+970		x		4,690	Đường vào khu dân cư, UBND xã Tân Thanh Tây	Đường xã		x	
25	Ngã 3	Km 39+890	x		1,680		Đường ĐX.01 xã Thành An	Đường xã		x	
26	Ngã 3	Km 40+850		x		1,880	Dương Minh Chánh (CHXD)	Đường xã		x	
27	Ngã 3	Km 42+800		x		1,950	Đường liên xã vào xã Tân Thanh Tây	Đường xã		x	
28	Ngã 3	Km 44+610		x		1,810	ĐH.19	Đường huyện		x	
<b>Quốc lộ 57 đoạn qua huyện Mô Cày Nam (km44+900-km65+900) quy hoạch cấp III 2-4 làn xe</b>											
29	Ngã 4	Km 47+420	x	x	7,530	2,810	Quốc lộ 60 tuyến tránh	Quốc lộ		x	
30	Ngã 3	Km 47+950	x		530		CHXD Khải Hoàn	Đường chuyên dùng	x		Trong đô thị thị trấn Mô Cày Nam, Lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
31	Ngã 4	Km 48+950	x	x	1,000	1,530	Quốc lộ 60	Quốc lộ	x		
32	Ngã 3	Km 49+650		x		700	Quốc lộ 60	Quốc lộ	x		
33	Ngã 3	Km 49+680	x		730		ĐH.22, bến xe Mô Cày Nam	Đường huyện	x		
34	Ngã 3	Km 49+930	x		250		Đường huyện mới	Đường huyện	x		
35	Ngã 3	Km 51+955	x		2,025		Đường huyện ĐK.42 vào khu dân cư đa phước hội	Đường xã		x	
36	Ngã 3	Km 52+330		x		2,680	Cty Xăng Dầu Bến Tre (CHXD Đa Phước Hội)	Đường xã		x	
37	Ngã 3	Km 54+380	x		2,425		ĐH.22	Đường huyện		x	
38	Ngã 3	Km 54+840		x		2,510	Đường vào khu dân cư xã An Định	Đường xã		x	
39	Ngã 4	Km 56+980	x	x	2,600	2,140	ĐH.22	Đường huyện		x	

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nổi	Loại đường (*)	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	Phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
40	Ngã 4	Km 58+500		x		1,520	DNTN - XD Hoàng Trung	Đường đô thị		x	
41	Ngã 4	Km 60+720	x	x	2,220	2,220	Ngã tư Tân Trung, đường huyện ĐH.ĐK 44	Đường đô thị		x	
42	Ngã 3	Km 64+170	x	x	3,450	3,450	ĐH.23 (Ngã tư Hương Mỹ)	Đường huyện		x	
43	Ngã 3	Km 65+790		x		1,620	Đường vào khu dân cư xã Hương Mỹ	Đường xã		x	
<b>Huyện Thạnh Phú (km65+900-km103+283) quy hoạch cấp III 2-4 làn xe</b>											
44	Ngã 4	Km 69+530	x	x	5,360	3,740	ĐH.24 (Ngã tư Tân Phong)	Đường huyện		x	
45	Ngã 3	Km 71+120		x		1,590	DNTN - XD Tổ Như	Đường xã		x	
46	Ngã 3	Km 72+820	x		3,290		ĐH.92	Đường huyện		x	
47	Ngã 3	Km 73+320		x		2,200	Đường vào UBND xã Hòa Lợi, Bến phà Hòa Lợi - Hòa Minh	Đường xã		x	
48	Ngã 3	Km 75+440		x		2,120	CHXD Bến Tre			x	
49	Ngã 4	Km 75+680	x	x	2,860		Đường huyện 49; Đường vào khu dân cư xã Mỹ Hưng (đường vào Mỹ An, ra bến phà Mỹ An); DNTN - XD Thiên Phúc,	Đường huyện		x	
50	Ngã 4	Km 77+150	x	x	1,470	1,710	Đường huyện 50; Quy hoạch QL 57 tuyến tránh thị trấn Thạnh Mỹ	Đường huyện		x	
51	Ngã 3	Km 77+780	x		2100		Đường vào khu dân cư thị trấn Thạnh Phú	Đường đô thị	x		Trong đô thị thị trấn Thạnh Phú, lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN
52	Ngã 3	Km 78+900	x		1120		DNTN - XD Phước Vinh	Đường đô thị	x		
53	Ngã 3	Km 78+980	x		80		Đường Đồng Văn Dân	Đường đô thị	x		

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	Phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
54	Ngã 3	Km 79+250		x		2100	Đường vào khu dân cư thị trấn Thanh Phú	Đường đô thị	x		01:2021/BXD ngày 19/5/2021
55	Ngã 3	Km 79+310	x		330		Đường Trần Thị Tuyết	Đường đô thị	x		
56	Ngã 4	Km 79+520	x	x	210	270	Trần Văn Tư (T); Giồng Dầu (P)	Đường đô thị	x		
57	Ngã 3	Km 79+570		x		50	Cty Xăng Dầu Bến Tre (CHXD số 47)	Đường chuyên dùng	x		
58	Ngã 4	Km 79+800	x	x	280	230	Huỳnh Ngọc Trứ (T); Đường thị trấn	Đường đô thị	x		
59	Ngã 4	Km 80+070	x	x	270	270	Đường vào khu dân cư thị trấn Thanh Phú	Đường đô thị	x		
60	Ngã 3	Km 82+300		x		2230	Quy hoạch QL 57 tuyến tránh thị trấn Thạnh Mỹ			x	
61	Ngã 4	Km 84+050	x	x	3980	1,750	ĐH.27	Đường huyện		x	
62	Ngã 4	Km 85+910	x	x	1,860	1,860	ĐH.28	Đường huyện		x	
63	Ngã 3	Km 89+010		x		3,100	Đường huyện ĐH.93	Đường huyện		x	
64	Ngã 3	Km 90+170	x		4260		DNTN xăng dầu Thảo Nguyên			x	
65	Ngã 3	Km 90+800		x		1,790	Đường vào khu dân cư, phà cầu Ván Cũ, cảng cá Thanh Phú. ĐH.ĐK48	Đường chuyên dùng		x	
66	Ngã 3	Km 91+670	x		1,500		ĐH.ĐK51	Đường huyện		x	Địa hình qua sông khó làm đường gom
67	Ngã 4	Km 93+210	x	x	1,540	2,410	ĐH.30	Đường huyện		x	
68	Ngã 3	Km 95+370	x		2,160		Đường vào khu dân cư	Đường xã		x	
69	Ngã 4	Km 95+870	x	x		2,660	Đường vào khu dân cư	Đường xã		x	
70	Ngã 3	Km 96+910	x		1,540		ĐH.92	Đường huyện		x	

TT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Ghi chú
			Trái	Phải	Trái	Phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
71	Ngã 4	Km 98+800	x	x	1,890	2,930	Đường vào khu dân cư (UBND xã Thạnh Phong)	Đường xã		x	
72	Ngã 3	Km101+440		x		2,640	Đường vào khu dân cư	Đường xã		x	
73	Ngã 3	Km102+200	x		3,400		DNTN XD Kim Cương	Đường xã		x	
		Km103+283					Điểm cuối tuyến				



**Phục lục I**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ 60, TỈNH BẾN TRE**  
(Kèm theo Quyết định số **2344** /QĐ-UBND ngày **13/10/2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Chi chú
			Trái	phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
<b>Quốc lộ 60 đoạn qua huyện Châu Thành (km06+320-Km12+323) quy hoạch cấp III, 2-6 làn xe có dải phân cách giữa</b>											
0		Km 6+320					Quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.07				
1	Ngã 4	Km 7+880	x	x	1,560	1,560	Quốc lộ 57B	Quốc lộ		x	
2	Ngã 4	Km 8+870	x	x	990	990	Đường Cách mạng tháng 8	Đường đô thị	x		Lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
3	Ngã 4	Km 11+623	x	x	2,753	2,753	ĐH.01 (ĐH.173 cũ)	Đường huyện		x	
<b>Quốc lộ 60 đoạn qua thành phố Bến Tre (km12+323-km18+581) quy hoạch cấp II - 6 làn xe có dải phân cách giữa</b>											
4	Ngã 4	Km 12+330	x	x	707	707	ĐT.883	Đường tỉnh	x		Trong đô thị thành phố Bến Tre; lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
5	Ngã 3	Km 13+000	x		670		Bến xe khách tỉnh Bến Tre; Cty TNHH MTV Dịch vụ Cung ứng Xăng dầu Bến Xe Tỉnh	Đường đô thị	x		
6	Ngã 4	Km 13+120	x	x	120	790	Đường vào khu dân cư	Đường đô thị	x		
7	Ngã 3	Km 13+770	x		650		CHXD Tân Thành; Cty TNHH MTV Xăng dầu Bến Tre (Petrolimex - Cửa hàng 04)	Đường đô thị	x		
8	Ngã 4	Km 13+877	x	x			Quốc lộ 57C	Đường đô thị	x		

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Chi chú
			Trái	phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
					107	757					
9	Ngã 3	Km 14+320	x		443		Trạm Xăng dầu Sơn Đông (CN Cty TNHH xăng dầu Đại Lợi)	Đường đô thị	x		
10	Ngã 3	Km 14+930	x		610		Đại lý bán lẻ Xăng dầu Công ty TNHH Long Thuận (Cty Xăng dầu Châu Thành)	Đường đô thị	x		
11	Ngã 4	Km 15+200	x	x	270	1,323	Ngã năm Bình Nguyên	Đường đô thị	x		
12	Ngã 4	Km 16+223	x	x	1,023	1,023	Ngã tư Bình Phú	Đường đô thị	x		
13	Ngã 3	Km 16+420	x		197		Cửa hàng Xăng dầu Đại Lâm 2 (Cty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng VINALAM)	Đường đô thị	x		
14	Ngã 3	Km 16+820		x		597	Trạm Xăng dầu Phú An Khang (Cty CP TM Dầu Khí Thuận Tiến)	Đường đô thị	x		
15	Ngã 4	Km 17+233	x	x	813	413	Đường dẫn ra vào cầu Hàm Luông	Đường đô thị	x		
<b>Quốc lộ 60 đoạn qua huyện Mỏ Cày Bắc (km18+581-km28+120) quy hoạch cấp III, 2-6 làn xe có dải phân cách giữa</b>											
16	Ngã 4	Km 19+180	x	x	1,947	1,947	Ngã tư Thanh Tân; Quy hoạch đường tỉnh ĐT.ĐK.882	Đường tỉnh		x	Địa hình qua sông khó làm đường gom (cầu Hàm Luông)
17	Ngã 4	Km 21+420		x		2,240	CHXD Hồng Đức; Cụm CN Tân Thành Bình	Đường chuyên dùng		x	
18	Ngã 3	Km 24+950		x		3,530	CHXD Tân Thành Bình	Đường xã		x	



STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Chi chú
			Trái	phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
19	Ngã 3	Km 25+675	x		4,255		Đường Phan Chu Trinh; Quy hoạch đường huyện ĐH.ĐK.40	Đường huyện		x	
20	Ngã 3	Km 25+720		x		770	Quốc lộ 60 tuyến tránh thị trấn Mỏ Cây	Quốc lộ		x	
<b>Quốc lộ 60 đoạn qua huyện Mỏ Cây Nam (km28+120-km 41+540) quy hoạch cấp III, 2-6 làn xe có dải phân cách giữa</b>											
21	Ngã 3	Km 27+210		x		1,490	Đường vào khu dân cư	Đường đô thị	x		Trong đô thị thị trấn Mỏ Cây, lấy theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD ngày 19/5/2021
22	Ngã 3	Km 28+170	x		2,495		Đường vào khu dân cư	Đường đô thị	x		
23	Ngã 3	Km 28+840		x		1,630	CHXD Sao Kim	Đường đô thị	x		
24	Ngã 3	Km 28+988	x		818		Đường vào khu dân cư	Đường đô thị	x		
25	Ngã 4	Km 30+400	x	x	1,412	1,560	Quốc lộ 57	Đường đô thị	x		
26	Ngã 4	Km 30+570	x	x	170	170	Đường Công Lý	Đường đô thị	x		
27	Ngã 3	Km 30+700		x		130	CHXD Bến Tre Petrolimex	Đường chuyên dùng	x		
28	Ngã 4	Km 30+940	x	x		240	Đường Bùi Quang Chiêu	Đường đô thị	x		
29	Ngã 3	Km 31+120	x		550		Quốc lộ 57	Quốc lộ	x		
30	Ngã 3	Km 31+275		x		335	Đường vào khu dân cư	Đường đô thị	x		
31	Ngã 3	Km 31+960	x		840		Cty TNHH XD Bến Tre PETROLIMEX	Đường đô thị	x		
32	Ngã 3	Km 32+790		x		1,515	Quốc lộ 60 tuyến tránh thị trấn Mỏ Cây	Quốc lộ		x	
33	Ngã 3	Km 35+850	x				ĐX.08	Đường xã		x	

STT	Kiểu nút giao	Lý trình	Vị trí		Khoảng cách		Tên đường đầu nối	Loại đường (*)	Phạm vi		Chi chú
			Trái	phải	Trái	phải			Trong đô thị	Ngoài đô thị	
					3,890						
34	Ngã 3	Km 36+200		x		3,410	ĐH.20	Đường huyện		x	
35	Ngã 4	Km 37+970	x	x	2,120	1,770	ĐH.22 (ngã tư Thành Thới)	Đường huyện		x	
36	Ngã 3	Km 40+570	x		2,600		Cty TNHH XD Hồng Đức	Đường xã		x	
		Km 41+540					Điểm cuối bến phà Cỏ Chiên	Đường xã			